

Số : **2347/QĐ-BNN-VPĐP**

*Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2017*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch triển khai Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 12/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 (sửa đổi, bổ sung Quyết định số 27/QĐ-TTg ngày 05/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ)**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 (sửa đổi, bổ sung Quyết định số 27/QĐ-TTg ngày 05 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ);

Căn cứ Quyết định số 414/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 32/2016/QH14 ngày 23 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 442/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình công tác năm 2017 của Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của Cục trưởng - Chánh Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn

2016-2020 (sửa đổi, bổ sung Quyết định số 27/QĐ-TTg ngày 05 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng - Chánh Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Tài chính, Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Ban Chủ nhiệm Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới, Văn phòng Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Phó TTCP Vương Đình Huệ (để b/c);
- Bộ trưởng Nguyễn Xuân Cường (để b/c);
- Thành viên BCĐTW các CTMTQG;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Thứ trưởng Bộ NN và PTNT;
- Các Bộ: KH&ĐT, Tài chính, KH&CN;
- Sở NNPTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- VPĐP NTM các tỉnh thành phố trực thuộc TW;
- Lưu: VT, VPĐP.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỦ TRƯỞNG**



**Trần Thanh Nam**

## **KẾ HOẠCH**

**Triển khai Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 12/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 (sửa đổi, bổ sung Quyết định số 27/QĐ-TTg ngày 05 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ)**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~2347~~ 2347/QĐ-BNN-VPĐP ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

#### 1. Mục đích:

a) Triển khai, thực hiện có hiệu quả các Chương trình, đề tài, nhiệm vụ, thuộc chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 12 tháng 01 năm 2017, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu, mục tiêu của Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

b) Xác định rõ nội dung công việc, lộ trình thực hiện, thời gian, tiến độ hoàn thành và trách nhiệm của các đơn vị có liên quan trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch;

c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ của Cơ quan chủ trì Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

#### 2. Yêu cầu:

a) Chủ động thực hiện các nhiệm vụ được phân công hoàn thành đúng thời gian, tiến độ, đảm bảo chất lượng, hiệu quả, mục tiêu, nội dung của Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

b) Đảm bảo sự phối hợp thường xuyên, hiệu quả và thống nhất giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với các Bộ, ngành Trung ương có liên quan và các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ.

### **II. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN**

1. Năm 2016-2017: Tiếp tục thực hiện các đề tài, dự án, nhiệm vụ đang thực hiện của giai đoạn 2011-2015; triển khai một số nhiệm vụ cấp bách do Trường Ban Chỉ đạo Trung ương các Chương trình mục tiêu quốc gia xây

dựng nông thôn mới giao và đề xuất triển khai mới một số nhiệm vụ mang tính cấp thiết giai đoạn 2016-2020.

2. Năm 2017-2019: Đề xuất, xét chọn và triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình, trong đó:

- Tập trung thực hiện các nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 414/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2017 và theo chỉ đạo của Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

- Ưu tiên xét chọn triển khai các đề tài đề xuất của địa phương, phục vụ kịp thời nhu cầu bức thiết trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác được Ban Chỉ đạo Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo Chương trình), Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao.

3. Năm 2020: Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình.

*(Chi tiết kế hoạch và định hướng xác định các nhiệm vụ theo Phụ lục số 01 và 02 đính kèm).*

### **III. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương:

a) Chủ trì, phối hợp với Vụ Tài chính, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Ban Chủ nhiệm Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới (sau đây gọi tắt là Ban Chủ nhiệm Chương trình) tổng hợp kế hoạch và đề xuất phương án phân bổ vốn thực hiện Chương trình hàng năm trình Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tổng hợp theo quy định;

b) Chủ trì, phối hợp với Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Ban Chủ nhiệm Chương trình định hướng các nội dung, nhiệm vụ triển khai Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới hàng năm và giai đoạn 2016-2020;

c) Chủ trì, phối hợp với Ban Chủ nhiệm Chương trình, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Vụ Tài chính và các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất tình hình thực hiện đề tài, dự án, mô hình, bảo đảm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục tiêu của Chương trình và phù hợp với đối tượng, nội dung thực hiện của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Giám sát việc bố trí kinh phí ngân sách Nhà nước phù hợp với tỷ lệ đầu tư của chủ đề tài, dự án, mô hình theo quy định;



d) Tổng hợp chung tiến độ triển khai thực hiện Chương trình báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình và Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (định kỳ, đột xuất).

## 2. Vụ Tổ chức cán bộ:

a) Chủ trì, phối hợp với Ban Chủ nhiệm Chương trình, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu trình Bộ trưởng phê duyệt kiện toàn Ban Chỉ đạo Chương trình và Ban Chủ nhiệm Chương trình;

b) Chủ trì, phối hợp với Ban Chủ nhiệm Chương trình và các đơn vị có liên quan xây dựng quy chế tổ chức hoạt động của Chương trình giai đoạn 2016-2020 (như Chương trình khoa học và công nghệ phát triển bền vững vùng Tây Bắc giai đoạn 2013-2018) trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt.

## 3. Vụ Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Ban Chủ nhiệm Chương trình, Văn phòng Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới (sau đây gọi tắt là Văn phòng Chương trình) trình Bộ trưởng giao dự toán thực hiện các đề tài, dự án, mô hình theo danh mục đã được Lãnh đạo Bộ phê duyệt;

b) Chủ trì trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt dự toán chi tiết kinh phí thực hiện các đề tài, dự án, mô hình theo quy định;

c) Hướng dẫn Văn phòng Chương trình quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí đúng quy định của Nhà nước;

d) Quyết toán kinh phí với Bộ Tài chính.

## 4. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường:

a) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương, Vụ Tài chính, Ban Chủ nhiệm Chương trình, tiến hành các thủ tục thẩm định danh mục các nội dung, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, công nghệ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định;

b) Chủ trì, phối hợp với Ban Chủ nhiệm Chương trình, Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương hướng dẫn thực hiện các nội dung của Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới.

## 5. Ban Chủ nhiệm Chương trình:

a) Là cơ quan thường trực, giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình và Bộ trưởng tổ chức triển khai các nhiệm vụ, nội dung của Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 tại Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ theo quy chế tổ chức hoạt động của Chương trình;

b) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường triển khai có hiệu quả các đề tài, dự án, mô hình được phê duyệt phù hợp với định hướng của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; tổ chức kiểm tra định kỳ, nghiệm thu, đánh giá kết quả hàng năm và kết thúc Chương trình giai đoạn 2016-2020.

6. Văn phòng Chương trình:

a) Giúp Ban Chỉ đạo Chương trình và Bộ trưởng trong quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình theo quy chế tổ chức quản lý hoạt động của Chương trình.

b) Giúp việc Chủ nhiệm Chương trình với vai trò là Ủy viên Ban Chỉ đạo Chương trình;

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Bộ trưởng./.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Trần Thanh Nam**



**Phụ lục 01**

**KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI CÁC NỘI DUNG QUYẾT ĐỊNH SỐ 45/QĐ-TTG**

**NGÀY 12/01/2017 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2347/QĐ-BNN-VPĐP ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

| TT | Nội dung được phân công tại QĐ số 45/QĐ-TTg   | Hình thức ban hành/Thực hiện           | Cơ quan chủ trì/ tổng hợp  | Cơ quan phối hợp/ hướng dẫn   | Dự kiến thời hạn hoàn thành | Kết quả thực hiện/ Số lượng sản phẩm đầu ra dự kiến |  |
|----|---|--|----------------------------|---|-----------------------------|---|--|
| I  | <b>CÁC NHIỆM VỤ TIẾP TỤC THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2011-2015</b>  |  |                            |   |                             |   |  |
| 1  | Tổ chức nghiệm thu 18 đề tài và 16 dự án đang thực hiện chuyển sang Kế hoạch năm 2017                 | Báo cáo nghiệm thu                     | Ban Chủ nhiệm Chương trình | - Vụ KHCN và MT;<br>- Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương;<br>- Các cơ quan, đơn vị liên quan. | Tháng 12/2017               |   |  |
| 2  | Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ chuyển sang Kế hoạch năm 2017 (18 đề tài và 16 dự án) | Báo cáo                                | Ban Chủ nhiệm Chương trình | - Vụ KHCN và MT;<br>- Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương.                                     | Tháng 12/2017               |   |  |
| II | <b>CÁC NHIỆM VỤ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2016-2020</b>   |  |                            |   |                             |   |  |
| 1  | Kiện toàn Ban Chỉ đạo Chương trình KHCN phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020            | Quyết định của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT | Vụ Tổ chức cán bộ          | - Ban Chủ nhiệm Chương trình;<br>- Vụ KHCN và MT;<br>- Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương.    | Quý II năm 2017             |   |  |

*P*

| TT | Nội dung được phân công tại QĐ số 45/QĐ-TTg  | Hình thức ban hành/thực hiện  | Cơ quan chủ trì/ tổng hợp  | Cơ quan phối hợp/ hướng dẫn  | Dự kiến thời hạn hoàn thành | Kết quả thực hiện/ Số lượng sản phẩm đầu ra dự kiến |
|----|--|---|----------------------------|--|-----------------------------|---|
| 2  | Kiện toàn Ban Chủ nhiệm Chương trình KHCN phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020   | Quyết định của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT                                  | Vụ Tổ chức cán bộ          | - Ban Chủ nhiệm Chương trình;<br>- Vụ KHCN và MT;<br>- Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương.                       | Quý II năm 2017             |   |
| 3  | Kiện toàn Văn phòng Chương trình Khoa học và Công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020  | Quyết định của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT                                  | Vụ Tổ chức cán bộ          | - Ban Chủ nhiệm Chương trình;<br>- Vụ KHCN và MT;<br>- Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương.                       | Quý II năm 2017             | Quyết định số 919/QĐ-BNN-TCCB ngày 24/3/2017        |
| 4  | Ban hành quy chế tổ chức hoạt động của Chương trình giai đoạn 2016-2020 (như Chương trình khoa học và công nghệ phát triển bền vững vùng Tây Bắc giai đoạn 2013-2018)                                      | Quyết định của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT                                  | Vụ Tổ chức cán bộ          | - Ban Chủ nhiệm Chương trình;<br>- Vụ KHCN và MT;<br>- Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương.                       | Quý II năm 2017             |   |
| 5  | Nghiên cứu cơ sở lý luận trong xây dựng nông thôn mới  |   |                            |  |                             |   |
|    | Nghiên cứu các mô hình tổ chức quản lý xã hội nông thôn ở Việt Nam và ứng dụng xây dựng một số mô hình trong xây dựng nông thôn mới (Theo Quyết định số 414/QĐ-TTg ngày 04/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ) | Quyết định phê duyệt danh mục Đề tài, dự án của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT | Ban Chủ nhiệm Chương trình | - Vụ KHCN và MT;<br>- Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương;<br>- Vụ Tài chính;<br>- Các cơ quan, đơn vị liên quan. | 2017-2019                   | 03 Đề tài, dự án                                    |



| TT  | Nội dung được phân công tại QĐ số 45/QĐ-TTg  | Hình thức ban hành/ thực hiện  | Cơ quan chủ trì/ tổng hợp  | Cơ quan phối hợp/ hướng dẫn   | Dự kiến thời hạn hoàn thành | Kết quả thực hiện/ Số lượng sản phẩm đầu ra dự kiến |
|-----|--|--|----------------------------|---|-----------------------------|---|
| 6   | Nghiên cứu, đề xuất bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách trong xây dựng nông thôn mới  |  |                            |   |                             |   |
| 6.1 | Cơ chế, chính sách tích tụ đất sản xuất nông nghiệp.   | Quyết định phê duyệt danh mục Đề tài, dự án của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT        | Ban Chủ nhiệm Chương trình | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vụ KHCN và Môi trường;</li> <li>- Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương;</li> <li>- Vụ Tài chính;</li> <li>- Văn phòng Chương trình;</li> <li>- Các cơ quan, đơn vị liên quan.</li> </ul> | 2017-2018                   | 04 Đề tài   |
| -   | <i>Nghiên cứu thực trạng cơ chế, chính sách tích tụ rừng sản xuất để phát triển trồng rừng gỗ lớn và cây lâm đặc sản, góp phần phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới (Theo Quyết định số 414/QĐ-TTg ngày 04/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ)</i> | <i>Quyết định phê duyệt danh mục Đề tài, dự án của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT</i> |                            |   | 2017-2018                   | 01 Đề tài   |
| -   | <i>Các Đề tài nghiên cứu khác</i>  | <i>Quyết định phê duyệt danh mục Đề tài, dự án của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT</i> |                            |   | 2017-2018                   | 03 Đề tài   |

| TT  | Nội dung được phân công tại QĐ số 45/QĐ-TTg   | Hình thức ban hành/thực hiện  | Cơ quan chủ trì/ tổng hợp  | Cơ quan phối hợp/ hướng dẫn  | Dự kiến thời hạn hoàn thành | Kết quả thực hiện/ Số lượng sản phẩm đầu ra dự kiến |
|-----|---|---|----------------------------|--|-----------------------------|---|
| 6.2 | Cơ chế, chính sách phát triển sản xuất nông nghiệp; liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm. | Quyết định phê duyệt danh mục Đề tài, dự án của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT | Ban Chủ nhiệm Chương trình | - Vụ KHCN và MT;<br>- Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương;<br>- Vụ Tài chính;<br>- Văn phòng Chương trình;<br>- Các cơ quan, đơn vị liên quan | 2017-2018                   | 03 Đề tài   |
| 6.3 | Cơ chế, chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ cho nông nghiệp.   | Quyết định phê duyệt danh mục Đề tài, dự án của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT | Ban Chủ nhiệm Chương trình | - Vụ KHCN và MT;<br>- Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương;<br>- Vụ Tài chính;<br>- Văn phòng Chương trình;<br>- Các cơ quan, đơn vị liên quan | 2017-2018                   | 01 Đề tài   |
| 6.4 | Cơ chế chính sách phát triển nông thôn mới bền vững, đặc biệt đối với vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.              | Quyết định phê duyệt danh mục Đề tài, dự án của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT | Ban chủ nhiệm Chương trình | - Vụ KHCN và MT;<br>- Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương;<br>- Vụ Tài chính;<br>- Văn phòng Chương trình;<br>- Các cơ quan, đơn vị liên quan | 2017-2018                   | 03 Đề tài   |
| 6.5 | Cơ chế chính sách huy động các nguồn lực xã hội, doanh nghiệp, nông dân tham gia xây dựng nông thôn mới.                      | Quyết định phê duyệt danh mục Đề tài, dự án của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT | Ban Chủ nhiệm Chương trình | - Vụ KHCN và MT;<br>- Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương;<br>- Vụ Tài chính;<br>- Văn phòng Chương trình;<br>- Các cơ quan, đơn vị liên quan | 2017-2018                   | 01 Đề tài   |

| TT  | Nội dung được phân công tại QĐ số 45/QĐ-TTg   | Hình thức ban hành/Thực hiện  | Cơ quan chủ trì/ tổng hợp  | Cơ quan phối hợp/ hướng dẫn  | Dự kiến thời hạn hoàn thành | Kết quả thực hiện/ Số lượng sản phẩm đầu ra dự kiến |
|-----|---|---|----------------------------|--|-----------------------------|---|
| 7   | Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp khoa học và công nghệ để xây dựng nông thôn mới   |   |                            |  |                             |   |
| 7.1 | Nghiên cứu thể chế, tổ chức xã hội và văn hóa trong xây dựng nông thôn mới. Xu thế phát triển xã hội nông thôn Việt Nam gắn với đô thị hóa trong hội nhập quốc tế   | Quyết định phê duyệt danh mục Đề tài, dự án của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT | Ban Chủ nhiệm Chương trình | - Vụ KHCN và MT;<br>- Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương;<br>- Vụ Tài chính;<br>- Văn phòng Chương trình;<br>- Các cơ quan, đơn vị liên quan | 2017-2018                   | 02 Đề tài   |
| 7.2 | Nghiên cứu, đề xuất bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống và dịch chuyển lao động nông nghiệp trong quá trình xây dựng nông thôn mới.   | Quyết định phê duyệt danh mục Đề tài, dự án của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT | Ban Chủ nhiệm Chương trình | - Vụ KHCN và MT;<br>- Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương;<br>- Vụ Tài chính;<br>- Văn phòng Chương trình;<br>- Các cơ quan, đơn vị liên quan | 2017-2018                   | 02 Đề tài   |
| 7.3 | Nghiên cứu đề xuất các giải pháp phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên trong xây dựng NTM; tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí đạt chuẩn các địa phương đã được công nhận đạt chuẩn NTM theo hướng bền vững. | Quyết định phê duyệt danh mục Đề tài, dự án của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT | Ban Chủ nhiệm Chương trình | - Vụ KHCN và MT;<br>- Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương;<br>- Vụ Tài chính;<br>- Văn phòng Chương trình;<br>- Các cơ quan, đơn vị liên quan | 2017-2019                   | 06 Đề tài   |

| TT  | Nội dung được phân công tại QĐ số 45/QĐ-TTg  | Hình thức ban hành/thực hiện  | Cơ quan chủ trì/ tổng hợp  | Cơ quan phối hợp/ hướng dẫn  | Dự kiến thời hạn hoàn thành | Kết quả thực hiện/ Số lượng sản phẩm đầu ra dự kiến |
|-----|--|---|----------------------------|--|-----------------------------|---|
| 7.4 | Đánh giá kết quả quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp (Theo Quyết định số 414/QĐ-TTg ngày 04/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ) | Quyết định phê duyệt danh mục Đề tài, dự án của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT | Ban Chủ nhiệm Chương trình | - Vụ KHCN và MT;<br>- Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương;<br>- Vụ Tài chính;<br>- Văn phòng Chương trình;<br>- Các cơ quan, đơn vị liên quan | 2017-2019                   | 02 Đề tài   |
| 8   | Xây dựng một số mô hình trình diễn ứng dụng các thành tựu, giải pháp khoa học và công nghệ   |   |                            |  |                             |   |
| 8.1 | Mô hình chuyển đổi hợp tác xã kiểu mới, hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012.   | Quyết định phê duyệt danh mục Đề tài, dự án của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT | Ban Chủ nhiệm Chương trình | - Vụ KHCN và MT;<br>- Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương;<br>- Vụ Tài chính;<br>- Văn phòng Chương trình;<br>- Các cơ quan, đơn vị liên quan | 2017-2018                   | 02 Mô hình  |
|     | Nghiên cứu áp dụng các mô hình hợp tác xã trong quản lý và xử lý ô nhiễm môi trường tại một số làng nghề khu vực phía Bắc trong tiến trình xây dựng nông thôn mới (Theo Quyết định số 414/QĐ-TTg ngày 04/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ)                           | Quyết định phê duyệt danh mục Đề tài, dự án của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT |                            |  | 2017-2018                   | 01 Mô hình  |

| TT  | Nội dung được phân công tại QĐ số 45/QĐ-TTg   | Hình thức ban hành/ thực hiện  | Cơ quan chủ trì/ tổng hợp  | Cơ quan phối hợp/ hướng dẫn  | Dự kiến thời hạn hoàn thành | Kết quả thực hiện/ Số lượng sản phẩm đầu ra dự kiến |
|-----|---|--|----------------------------|--|-----------------------------|---|
|     | <i>Đề tài nghiên cứu khác</i>   | <i>Quyết định phê duyệt danh mục Đề tài, dự án của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT</i> |                            |  | 2017-2018                   | 01 Mô hình  |
| 8.2 | Mô hình quy hoạch, kiến trúc nông thôn mới.   | Quyết định phê duyệt danh mục Đề tài, dự án của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT        | Ban Chủ nhiệm Chương trình | - Vụ KHCN và MT;<br>- Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương;<br>- Vụ Tài chính;<br>- Văn phòng Chương trình;<br>- Các cơ quan, đơn vị liên quan | 2017-2018                   | 03 Mô hình  |
| 8.3 | Mô hình phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu. | Quyết định phê duyệt danh mục Đề tài, dự án của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT        | Ban Chủ nhiệm Chương trình | - Vụ KHCN và MT;<br>- Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương;<br>- Vụ Tài chính;<br>- Văn phòng Chương trình;<br>- Các cơ quan, đơn vị liên quan | 2017-2019                   | 03 Mô hình  |
| 8.4 | Mô hình xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu gắn với đô thị văn minh.                    | Quyết định phê duyệt danh mục Đề tài, dự án của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT        | Ban Chủ nhiệm Chương trình | - Vụ KHCN và MT;<br>- Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương;<br>- Vụ Tài chính;<br>- Văn phòng Chương trình;<br>- Các cơ quan, đơn vị liên quan | 2017-2018                   |   |



| TT  | Nội dung được phân công tại QĐ số 45/QĐ-TTg  | Hình thức ban hành/thực hiện   | Cơ quan chủ trì/ tổng hợp  | Cơ quan phối hợp/ hướng dẫn  | Dự kiến thời hạn hoàn thành | Kết quả thực hiện/ Số lượng sản phẩm đầu ra dự kiến |
|-----|--|--|----------------------------|--|-----------------------------|---|
| 8.5 | Mô hình bảo quản, chế biến nông sản và tổ chức sản xuất nông nghiệp hàng hóa gắn với liên kết theo chuỗi giá trị sản phẩm.   | Quyết định phê duyệt danh mục Đề tài, dự án của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT        | Ban Chủ nhiệm Chương trình | - Vụ KHCN và MT;<br>- Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương;<br>- Vụ Tài chính;<br>- Văn phòng Chương trình;<br>- Các cơ quan, đơn vị liên quan | 2017-2018                   | 06 Mô hình  |
|     | <i>Xây dựng mô hình sản xuất hàng hóa gắn với liên kết chuỗi giá trị sản phẩm được liệu (quế, hồi, ba kích, sâm, ý dĩ...) đạt tiêu chuẩn GACP phục vụ xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp (Theo Quyết định số 414/QĐ-TTg ngày 04/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ)</i> | <i>Quyết định phê duyệt danh mục Đề tài, dự án của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT</i> |                            |  | 2017-2018                   | 03 Mô hình  |
|     | <i>Các mô hình khác</i>  | <i>Quyết định phê duyệt danh mục Đề tài, dự án của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT</i> |                            |  | 2017-2018                   | 03 Mô hình  |
| 8.6 | Mô hình ứng dụng công nghệ tưới tiêu kết hợp với các biện pháp canh tác nông nghiệp giảm phát thải khí mê-tan và hiệu ứng nhà kính.  | Quyết định phê duyệt danh mục Đề tài, dự án của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT        | Ban Chủ nhiệm Chương trình | - Vụ KHCN và MT;<br>- Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương;<br>- Vụ Tài chính;<br>- Văn phòng Chương trình;<br>- Các cơ quan, đơn vị liên quan | 2018                        | 03 Mô hình  |

| TT  | Nội dung được phân công tại QĐ số 45/QĐ-TTg   | Hình thức ban hành/thực hiện   | Cơ quan chủ trì/ tổng hợp  | Cơ quan phối hợp/ hướng dẫn  | Dự kiến thời hạn hoàn thành | Kết quả thực hiện/ Số lượng sản phẩm đầu ra dự kiến |
|-----|---|--|----------------------------|--|-----------------------------|---|
| 8.7 | Mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao kết hợp với cơ giới hóa nông nghiệp.  | Quyết định phê duyệt danh mục Đề tài, dự án của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT        | Ban Chủ nhiệm Chương trình | - Vụ KHCN và MT;<br>- Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương;<br>- Vụ Tài chính;<br>- Văn phòng Chương trình;<br>- Các cơ quan, đơn vị liên quan | 2018                        | 06 Mô hình  |
|     | <i>Xây dựng các mô hình thí điểm ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp (cây ăn quả, dược liệu, rau hoa) và liên kết chuỗi giá trị trong công nghệ thu hoạch, chế biến, bảo quản, xuất khẩu sản phẩm gắn với xây dựng nông thôn mới (Theo Quyết định số 414/QĐ-TTg ngày 04/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ)</i> | <i>Quyết định phê duyệt danh mục Đề tài, dự án của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT</i> |                            |  | 2018                        | 03 Mô hình  |
|     | Các mô hình khác  | <i>Quyết định phê duyệt danh mục Đề tài, dự án của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT</i> |                            |  | 2018                        | 03 mô hình  |
| 8.8 | Mô hình ứng dụng công nghệ năng lượng tái tạo để xây dựng nông thôn mới.  | Quyết định phê duyệt danh mục Đề tài, dự án của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT        | Ban Chủ nhiệm Chương trình | - Vụ KHCN và MT;<br>- Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương;<br>- Vụ Tài chính;<br>- Văn phòng Chương trình;<br>- Các cơ quan, đơn vị liên quan | 2018-2019                   | 02 Mô hình  |

| TT  | Nội dung được phân công tại QĐ số 45/QĐ-TTg   | Hình thức ban hành/ thực hiện  | Cơ quan chủ trì/ tổng hợp  | Cơ quan phối hợp/ hướng dẫn  | Dự kiến thời hạn hoàn thành | Kết quả thực hiện/ Số lượng sản phẩm đầu ra dự kiến |
|-----|---|--|----------------------------|--|-----------------------------|---|
| 8.9 | Mô hình quản lý và xử lý môi trường nông thôn.  | Quyết định phê duyệt danh mục Đề tài, dự án của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT        | Ban Chủ nhiệm Chương trình | - Vụ KHCN và MT;<br>- Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương;<br>- Vụ Tài chính;<br>- Văn phòng Chương trình;<br>- Các cơ quan, đơn vị liên quan | 2017-2019                   | 08 Mô hình  |
|     | <i>Xây dựng các mô hình cấp nước sạch cho nông thôn vùng khó khăn (đồng bằng sông Cửu Long, hải đảo, miền trung và Tây nguyên) (Theo Quyết định số 414/QĐ-TTg ngày 04/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ)</i>     | <i>Quyết định phê duyệt danh mục Đề tài, dự án của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT</i> |                            |  | 2017-2018                   | 03 Mô hình  |
|     | <i>Xây dựng mô hình công nghệ cao xử lý nước thải trong chăn nuôi, giết mổ (quy mô tập trung) và nuôi trồng thủy sản vùng ven biển (Theo Quyết định số 414/QĐ-TTg ngày 04/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ)</i> | <i>Quyết định phê duyệt danh mục Đề tài, dự án của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT</i> |                            |  | 2018-2019                   | 03 Mô hình  |
|     | <i>Các mô hình khác</i>   | <i>Quyết định phê duyệt danh mục Đề tài, dự án của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT</i> |                            |  | 2017-2019                   | 02 Mô hình  |

| TT   | Nội dung được phân công tại QĐ số 45/QĐ-TTg  | Hình thức ban hành/ thực hiện  | Cơ quan chủ trì/ tổng hợp  | Cơ quan phối hợp/ hướng dẫn  | Dự kiến thời hạn hoàn thành | Kết quả thực hiện/ Số lượng sản phẩm đầu ra dự kiến |
|------|--|--|----------------------------|--|-----------------------------|---|
| 8.10 | Mô hình ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật phù hợp với điều kiện thực tế của các xã khó khăn, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.  | Quyết định phê duyệt danh mục Đề tài, dự án của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT  | Ban Chủ nhiệm Chương trình | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vụ KHCN và MT;</li> <li>- Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương;</li> <li>- Vụ Tài chính;</li> <li>- Văn phòng Chương trình;</li> <li>- Các cơ quan, đơn vị liên quan</li> </ul> | 2018-2019                   | 03 Mô hình  |
| 9    | Xây dựng nội dung và tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao năng lực nắm bắt, ứng dụng khoa học và công nghệ cho các đối tượng có liên quan đến việc xây dựng nông thôn mới, đặc biệt là đội ngũ cán bộ chuyển giao công nghệ, nông dân và doanh nghiệp. | Kế hoạch tổ chức đào tạo, tập huấn được phê duyệt và Quyết định phê duyệt danh mục Đề tài, dự án của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT | Ban Chủ nhiệm Chương trình | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vụ KHCN và MT;</li> <li>- Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương;</li> <li>- Vụ Tài chính;</li> <li>- Văn phòng Chương trình;</li> <li>- Các cơ quan, đơn vị liên quan</li> </ul> | 2017-2019                   | 02  |
| III  | TỔNG KẾT CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2016-2020  | Hội nghị toàn quốc   | Ban Chủ nhiệm Chương trình | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vụ KHCN và MT;</li> <li>- Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương;</li> <li>- Văn phòng Chương trình;</li> <li>- Các cơ quan, đơn vị liên quan</li> </ul>                          | Quý I/2020                  | 01 Hội nghị   |

Phụ lục 02

**DỰ KIẾN KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC  
VÀ CÔNG NGHỆ PHỤC VỤ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016-2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2347/QĐ-BNN-VPĐP ngày 08 tháng 6 năm 2017  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*



| TT  | Nội dung thực hiện  | Số lượng<br>Đề tài,<br>Dự án | Trong đó   |                                       |                                   |   |
|-----|---|------------------------------|--|---------------------------------------|-----------------------------------|---|
|     |   |                              | BCĐTW, Lãnh<br>đạo Bộ NN và<br>PPTNT đặt<br>hàng | Đề xuất<br>của BCN<br>Chương<br>trình | Đặt hàng<br>của các địa<br>phương | Doanh<br>nghiệp và<br>các tổ chức<br>khác |
| I   | Nghiên cứu, khảo sát các mô hình tổ chức xã hội nông thôn ở Việt Nam và một số nước trên thế giới; những bài học kinh nghiệm xây dựng mô hình nông thôn mới trong thời gian qua để xác định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ, lộ trình, vai trò của các chủ thể trong xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam gắn với đô thị hóa văn minh trong hội nhập quốc tế đến năm 2020 và trong giai đoạn tiếp theo. | 3                            | 1  | 1                                     | 1                                 | 0   |
| 1   | Nghiên cứu các mô hình tổ chức quản lý xã hội nông thôn Việt Nam và ứng dụng xây dựng một số mô hình trong xây dựng nông thôn mới   | 3                            | 1  | 1                                     | 1                                 |   |
| II  | Nghiên cứu, đề xuất bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách xây dựng nông thôn mới, bao gồm:   | 14                           | 7  | 1                                     | 3                                 | 3   |
| 1   | Cơ chế, chính sách tích tụ đất sản xuất nông nghiệp.  | 4                            | 2  | 0                                     | 1                                 | 1   |
| 1.1 | Nghiên cứu thực trạng, cơ chế chính sách tích tụ rừng sản xuất để phát triển trồng rừng gỗ lớn và cây lâm đặc sản, góp phần phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới  | 1                            | 1  |                                       |                                   |   |

*R*



| TT         | Nội dung thực hiện  | Số lượng<br>Đề tài,<br>Dự án | Trong đó                                |                              |                             |                                  |
|------------|---|------------------------------|---|------------------------------|-----------------------------|----------------------------------|
|            |   |                              | BCĐTƯ, Lãnh đạo Bộ NN và PPTNT đặt hàng | Đề xuất của BCN Chương trình | Đặt hàng của các địa phương | Doanh nghiệp và các tổ chức khác |
| 1.2        | Đề tài nghiên cứu khác  | 3                            | 1                                       |                              | 1                           | 1                                |
| 2          | Cơ chế chính sách dịch chuyển lao động nông nghiệp trong quá trình xây dựng nông thôn mới.  | 1                            | 1                                       |                              |                             |                                  |
| 3          | Cơ chế, chính sách phát triển sản xuất nông nghiệp; liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm.   | 4                            | 1                                       |                              | 1                           | 2                                |
| 4          | Cơ chế, chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ cho nông nghiệp.   | 1                            | 1                                       |                              |                             |                                  |
| 5          | Cơ chế chính sách phát triển nông thôn mới bền vững, đặc biệt đối với vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.  | 3                            | 1                                       | 1                            | 1                           |                                  |
| 6          | Cơ chế chính sách huy động các nguồn lực xã hội, doanh nghiệp, nông dân tham gia xây dựng nông thôn mới.  | 1                            | 1                                       |                              |                             |                                  |
| <b>III</b> | <b>Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp khoa học và công nghệ để xây dựng nông thôn mới, bao gồm:</b>  | <b>13</b>                    | <b>4</b>                                | <b>3</b>                     | <b>4</b>                    | <b>2</b>                         |
| 1          | Nghiên cứu thể chế, tổ chức xã hội và văn hóa trong xây dựng nông thôn mới. Xu thế phát triển xã hội nông thôn Việt Nam gắn với đô thị hóa trong hội nhập quốc tế                     | 2                            | 1                                       |                              | 1                           |                                  |
| 2          | Nghiên cứu, đề xuất bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống và dịch chuyển lao động nông nghiệp trong quá trình xây dựng nông thôn mới. | 2                            | 1                                       |                              | 1                           |                                  |

| TT  | Nội dung thực hiện  | Số lượng<br>Đề tài,<br>Dự án | Trong đó   |                                       |                                   |   |
|-----|---|------------------------------|--|---------------------------------------|-----------------------------------|---|
|     |   |                              | BCĐTW, Lãnh<br>đạo Bộ NN và<br>PPTNT đặt<br>hàng | Đề xuất<br>của BCN<br>Chương<br>trình | Đặt hàng<br>của các địa<br>phương | Doanh<br>nghiệp và<br>các tổ chức<br>khác |
| 3   | Nghiên cứu đề xuất các giải pháp phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên trong xây dựng nông thôn mới; tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí đạt chuẩn các địa phương đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới theo hướng bền vững. | 7                            | 1  | 2                                     | 2                                 | 2   |
| 4   | Đánh giá kết quả quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp   | 2                            | 1  | 1                                     |                                   |   |
| IV  | <b>Xây dựng một số mô hình trình diễn về nông thôn mới trên cơ sở ứng dụng các thành tựu, giải pháp khoa học và công nghệ, bao gồm:</b>   | 39                           | 6  | 11                                    | 11                                | 11  |
| 1   | Mô hình chuyển đổi hợp tác xã kiểu mới, hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012.  | 3                            | 2  | 0                                     | 1                                 | 0   |
| 1.1 | <i>Nghiên cứu áp dụng các mô hình hợp tác xã trong quản lý và xử lý ô nhiễm môi trường tại một số làng nghề khu vực phía Bắc trong tiến trình xây dựng nông thôn mới</i>  | 2                            | 1  |                                       | 1                                 |   |
| 1.2 | <i>Các mô hình khác</i>   | 1                            | 1  |                                       |                                   |   |
| 2   | Mô hình quy hoạch, kiến trúc nông thôn mới.   | 3                            |  | 1                                     | 1                                 | 1   |

| TT  | Nội dung thực hiện   | Số lượng<br>Đề tài,<br>Dự án | Trong đó   |                                       |                                   |   |
|-----|--|------------------------------|--|---------------------------------------|-----------------------------------|---|
|     |  |                              | BCĐTW, Lãnh<br>đạo Bộ NN và<br>PPTNT đặt<br>hàng | Đề xuất<br>của BCN<br>Chương<br>trình | Đặt hàng<br>của các địa<br>phương | Doanh<br>nghiệp và<br>các tổ chức<br>khác |
| 3   | Mô hình phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.  | 3                            | 1  | 1                                     | 1                                 |   |
| 4   | Mô hình xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu gắn với đô thị văn minh.   | 3                            |  | 1                                     | 1                                 | 1   |
| 5   | Mô hình bảo quản, chế biến nông sản và tổ chức sản xuất nông nghiệp hàng hóa gắn với liên kết theo chuỗi giá trị sản phẩm.   | 6                            | 2  | 1                                     | 1                                 | 2   |
| 5.1 | <i>Xây dựng mô hình sản xuất hàng hóa gắn với liên kết chuỗi giá trị sản phẩm dược liệu (quế, hồi, ba kích, sâm, ý dĩ...) đạt tiêu chuẩn GACP phục vụ xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu ngành nông nghiệp</i>                                  | 3                            | 1  | 1                                     |                                   | 1   |
| 5.2 | <i>Các mô hình khác</i>  | 3                            | 1  |                                       | 1                                 | 1   |
| 6   | Mô hình ứng dụng công nghệ tưới tiêu kết hợp với các biện pháp canh tác nông nghiệp giảm phát thải khí metan và hiệu ứng nhà kính.   | 3                            |  | 1                                     | 1                                 | 1   |
| 7   | Mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao kết hợp với cơ giới hóa nông nghiệp.   | 5                            | 1  | 1                                     | 1                                 | 2   |
| 7.1 | <i>Xây dựng các mô hình thí điểm ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp (cây ăn quả, dược liệu, rau hoa) và liên kết chuỗi giá trị trong công nghệ thu hoạch, chế biến, bảo quản, xuất khẩu sản phẩm gắn với xây dựng nông thôn mới</i> | 3                            | 1  | 1                                     |                                   | 1   |
| 7.2 | <i>Các mô hình khác</i>  | 2                            |  |                                       | 1                                 | 1   |

| TT  | Nội dung thực hiện   | Số lượng<br>Đề tài,<br>Dự án | Trong đó   |                                       |                                   |   |
|-----|--|------------------------------|--|---------------------------------------|-----------------------------------|---|
|     |  |                              | BCĐTW, Lãnh<br>đạo Bộ NN và<br>PPTNT đặt<br>hàng | Đề xuất<br>của BCN<br>Chương<br>trình | Đặt hàng<br>của các địa<br>phương | Doanh<br>nghiệp và<br>các tổ chức<br>khác |
| 8   | Mô hình ứng dụng công nghệ năng lượng tái tạo để xây dựng nông thôn mới.   | 2                            |  | 1                                     |                                   | 1   |
| 9   | Mô hình quản lý và xử lý môi trường nông thôn.   | 8                            |  | 3                                     | 3                                 | 2   |
| 9.1 | <i>Xây dựng các mô hình cấp nước sạch cho nông thôn vùng khó khăn (Đồng bằng sông Cửu Long, hải đảo, miền trung và Tây nguyên)</i>   | 3                            | 1  | 1                                     | 1                                 |   |
| 9.2 | <i>Xây dựng mô hình công nghệ cao xử lý nước thải trong chăn nuôi, giết mổ (quy mô tập trung) và nuôi trồng thủy sản vùng ven biển</i>   | 3                            |  | 1                                     | 1                                 | 1   |
| 9.3 | <i>Các mô hình khác</i>  | 3                            |  | 1                                     | 1                                 | 1   |
| 10  | Mô hình ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật phù hợp với điều kiện thực tế của các xã khó khăn, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.  | 3                            |  | 1                                     | 1                                 | 1   |
| V   | Xây dựng nội dung và tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao năng lực nắm bắt, ứng dụng khoa học và công nghệ cho các đối tượng có liên quan đến việc xây dựng nông thôn mới, đặc biệt là đội ngũ cán bộ chuyển giao công nghệ, nông dân và doanh nghiệp. | 2                            | 1  |                                       | 1                                 |   |
|     | <b>Tổng :</b>  | <b>71</b>                    | <b>19</b>  | <b>16</b>                             | <b>20</b>                         | <b>16</b>                                 |